

## **BÁO CÁO**

**2 năm thực hiện Chỉ thị 1685/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về  
tăng cường chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, ngăn chặn tình  
trạng phá rừng và chống người thi hành công vụ**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 224/TB-VPCP ngày 01/7/2013 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị 1685/CT-TTg ngày 27/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng và chống người thi hành công vụ (sau đây viết tắt là Chỉ thị) như sau:

### **I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ**

#### **1. Công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện Chỉ thị 1685/CT-TTg**

##### **a) Ở Trung ương**

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương tham mưu cho cơ quan cấp có thẩm quyền và trực tiếp ban hành nhiều văn bản chỉ đạo hướng dẫn giải pháp thực hiện Chỉ thị; tổ chức các hội nghị triển khai thực hiện Chỉ thị, cụ thể:

- Tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành:

Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2012 Ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng.

Quyết định số 39/2012/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2012 Ban hành quy chế quản lý cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ.

Quyết định số 126/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2012 về việc thí điểm chia sẻ lợi ích trong quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững rừng đặc dụng.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai thực hiện:

+ Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 Quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản.

+ Tổ chức các hội nghị chuyên đề: hội nghị kiểm lâm toàn quốc sơ kết tình hình thực hiện Chỉ thị (tháng 6 năm 2012); hội nghị về lâm nghiệp khu vực Tây Nguyên (tháng 9 năm 2012); hội nghị bảo vệ và phát triển rừng Tây Nguyên



do Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải chủ trì (tháng 3 năm 2013); hội nghị trực tuyến về công tác bảo vệ phát triển rừng với các tỉnh trên toàn quốc (tháng 4 năm 2013);

+ Xây dựng kế hoạch và tổ chức nhiều đoàn công tác của Bộ, Ban chỉ đạo Nhà nước và liên ngành kiểm tra, đôn đốc các địa phương ở những khu vực trọng điểm, có nguy cơ xảy ra cháy rừng, điểm nóng về phá rừng trái pháp luật; rà soát, đánh giá thực hiện các dự án chuyển đổi rừng sang các cây trồng khác và các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lâm nghiệp trên toàn quốc....

+ Đang tiếp tục hoàn thiện các Đề án nâng cao năng lực lực lượng kiểm lâm giai đoạn 2012- 2020; Đề án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2012-2020 trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

+ Triển khai thực hiện Dự án tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013-2016 theo Quyết định số 594/QĐ-TTg ngày 15/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

### ***b) Ở địa phương***

Theo báo cáo của 53 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho thấy, các địa phương đã chủ động triển khai thực hiện Chỉ thị; ban hành các văn bản chỉ đạo phù hợp để triển khai trên địa bàn: 11 tỉnh ban hành Chỉ thị hoặc văn bản chỉ đạo các cấp, ngành để triển khai thực hiện Chỉ thị; 17 tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai Chỉ thị; các địa phương còn lại ban hành phương án, văn bản của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Kiểm lâm triển khai thực hiện Chỉ thị.

## **2. Kết quả thực hiện Chỉ thị**

Các địa phương đã thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành, kiểm tra truy quét các tụ điểm khai thác rừng, phá rừng trái pháp luật, lập chốt chặn ở cửa rừng để kiểm tra, kiểm soát lâm sản; kiểm tra tình hình thực hiện các dự án chuyển đổi rừng và đất lâm nghiệp; các cơ sở chế biến gỗ; công tác phòng cháy, chữa cháy rừng...

Từ năm 2011 đến 2013, toàn quốc đã phát hiện và xử lý 82.357 vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; tình hình vi phạm giảm dần qua các năm: năm 2012 giảm 3,3 % so với cùng kỳ năm 2011, năm 2013 giảm 18 % so với cùng kỳ năm 2011 (chi tiết tại Biểu 02).

### ***a) Về phá rừng trái pháp luật***

Cả nước đã phát hiện 8.854 vụ phá rừng trái pháp luật (năm 2012 giảm 2,7 % so với cùng kỳ năm 2011; năm 2013 giảm 42,4 % so với cùng kỳ năm 2011). Diện tích rừng bị phá trái pháp luật 3 năm (2011-2013) là 4.154 ha (năm 2012 diện tích rừng bị phá trái pháp luật là 1.164 ha giảm 46,8 % so với cùng



kỳ năm 2011; năm 2013 diện tích rừng bị phá trái pháp luật là 803 ha giảm 63,2 % so với cùng kỳ năm 2011).

- Về phá rừng lấy đất sản xuất: Rừng bị phá trái pháp luật diễn ra tập trung ở khu vực giao cho các công ty lâm nghiệp, rừng chưa giao do Ủy ban nhân dân xã quản lý. Điển hình là các tỉnh: Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Phú Yên, Điện Biên.

Đối tượng trực tiếp phá rừng chủ yếu là người đồng bào dân tộc tại chỗ, dân di cư tự do, hầu hết thuộc diện hộ nghèo, không có tài sản nên khó có khả năng thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Kẻ thuê đồng bào phá rừng khó nhận diện và cần phải có sự điều tra của các cơ quan chức năng. Hầu hết các tỉnh không phát hiện và xử lý được đầu nậu thuê người phá rừng trái pháp luật.

Đối với các diện tích rừng giao cho các doanh nghiệp thực hiện dự án chuyển đổi tại địa phương, một số doanh nghiệp thực hiện dự án không đủ năng lực, tiềm lực kinh tế để triển khai thực hiện dự án, không tổ chức bảo vệ rừng để xảy ra phá rừng, lấn chiếm đất rừng với diện tích lớn nhưng chưa kiên quyết xử lý. Việc cưỡng chế, giải tỏa thu hồi diện tích đất lâm nghiệp hiện đang bị lấn chiếm, sử dụng trái pháp luật để trồng lại rừng gặp nhiều khó khăn.

#### ***b) Tình hình khai thác gỗ trái phép***

Diễn ra ở những địa phương còn nhiều rừng tự nhiên, gỗ có giá trị thương mại cao; khu vực khai thác tận thu, tận dụng ở những nơi chuyển đổi mục đích sử dụng rừng; những khu vực thuận lợi về giao thông; vùng giáp ranh; tuyến vành đai biên giới. Trọng điểm của tình trạng khai thác gỗ, lâm sản trái pháp luật hiện nay là: Bắc Kạn, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Bình, Quảng Nam, Đắk Lắk, Bình Phước, Đắk Nông. Tuy vậy, tình hình vi phạm trong thời gian qua đã được kiểm chế: trong 3 năm (2011-2013) vi phạm 7.171 vụ (năm 2012 giảm 7,5 % so với cùng kỳ năm 2011; năm 2013 giảm 24,6 % so với cùng kỳ năm 2011).

#### ***c) Tình hình vận chuyển, chế biến lâm sản trái pháp luật***

Tổng số vụ vi phạm là 41.165 vụ (năm 2012 giảm 5,1 % so với cùng kỳ năm 2011; năm 2013 giảm 16,2 % so với cùng kỳ năm 2011). Bình quân hàng năm tịch thu 33.765 m<sup>3</sup> gỗ các loại.

Tình trạng mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép ngày càng tinh vi, các đối tượng sử dụng phương tiện vận chuyển lâm sản trái phép là các loại xe ô tô không biển số, biển số giả, phương tiện đã hết niên hạn sử dụng, xe du lịch, ô tô khách (kể cả xe có chất lượng cao), xe độ chế, xe máy, xe đạp... để vận chuyển gỗ, lâm sản, động vật rừng quý hiếm.



Mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật được các địa phương phát hiện, xử lý nhiều nhất là: Quảng Nam, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Thanh Hoá, Lâm Đồng, Bắc Kạn, Nghệ An; vi phạm về chế biến lâm sản tập trung ở: Quảng trị, Yên Bái, Đồng Nai, Phú Yên, Đắk Lắk, Gia Lai.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Cục Kiểm lâm thuộc Tổng cục Lâm nghiệp phối hợp với lực lượng Công an thuộc Tổng cục An ninh II tổ chức trinh sát, triệt phát được một số đường dây chuyên nghiệp mua bán và vận chuyển lâm sản trái pháp luật, tịch thu hàng ngàn mét khối gỗ, như vụ vận chuyển bằng đường sắt 15 toa gỗ từ các tỉnh Tây Nguyên ra Bắc Ninh tiêu thụ; vụ mua bán, vận chuyển gỗ trái pháp luật tại Kon Tum; vụ cất giữ, mua bán, vận chuyển gỗ trái pháp luật tại Đắk Min, Đắk Nông.

#### ***d) Tình hình chống người thi hành công vụ***

Tình hình chống người thi hành công vụ trong toàn quốc giảm: năm 2011 xảy ra 93 vụ nghiêm trọng, năm 2012 để xảy ra 44 vụ nghiêm trọng, năm 2013 để xảy ra 47 vụ nghiêm trọng. Tuy vậy, tình trạng chống người thi hành công vụ vẫn ở mức độ gay gắt, nghiêm trọng, có tính chất liều lĩnh, coi thường pháp luật. Khi bị bắt, giữ lâm tặc sẵn sàng chống đối, hành hung hoặc kích động người dân chống đối lực lượng chức năng để tẩu tán tang vật. Một số vụ gây hậu quả rất nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến việc chấp hành kỷ cương pháp luật, gây bức xúc trong xã hội và tâm lý hoang mang, lo ngại cho người thi hành công vụ.

Nhìn chung, kết quả điều tra, xử lý các đối tượng có hành vi gây rối, đe dọa, cản trở, chống đối lượng kiểm lâm khi thi hành công vụ vẫn còn kéo dài, xử lý thiếu kiên quyết, tính răn đe, giáo dục chưa cao.

#### ***d) Rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các dự án chuyển đổi rừng sang các cây trồng khác và các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng, đất lâm nghiệp***

Từ năm 2006 đến năm 2013, các địa phương đã cho phép 2.367 dự án, chuyển 363.528 ha đất lâm nghiệp sang mục đích sử dụng khác (08 tỉnh chưa báo cáo, gồm: Cao Bằng, Hà Nội, Bắc Ninh, Quảng Nam, Ninh Thuận, Đồng Nai, An Giang và Cần Thơ), trong đó 207.709 ha đất có rừng (rừng tự nhiên 152.574 ha, rừng trồng 55.135 ha), diện tích còn lại là đất lâm nghiệp không có rừng (chi tiết tại Biểu 01).

Trong đó: 186.091 ha chuyển sang trồng cây cao su, chiếm 51%; các công trình thủy điện là 21.313 ha (trong đó 19.805 ha đất có rừng), chiếm 5,8%; chuyển đổi trồng cây nông nghiệp khác 88.418 ha, chiếm 24,3%; chuyển sang mục đích phi nông nghiệp (làm đường giao thông, khai thác khoáng sản, nuôi trồng thủy sản, thủy lợi,...) là 67.704 ha, chiếm 18,6%.



Sau khi rà soát, đánh giá các dự án, các tỉnh đã đình chỉ và thu hồi diện tích 58.980 ha; tiếp tục thực hiện dự án với diện tích 363.528 ha (trong đó có 186.091 ha cao su).

Qua tổ chức rà soát, đánh giá các dự án bước đầu ghi nhận kết quả tích cực của chủ trương thu hút dự án đầu tư trên đất lâm nghiệp. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện cũng đã phát sinh một số tồn tại, hạn chế sau:

- Các dự án tập trung chủ yếu chuyển đổi rừng tự nhiên, chưa quan tâm đúng mức đến sử dụng đất chưa có rừng. Việc khảo sát, lập và thẩm định một số dự án thiếu chính xác, dẫn đến tình trạng chồng lấn lên đất sản xuất, đất có mô mã của đồng bào dân tộc dẫn đến tranh chấp, khiếu kiện.

- Một số dự án không thực hiện, hoặc triển khai chậm, để xảy ra tình trạng người dân khai thác gỗ trái phép, lấn chiếm đất rừng để canh tác, mua bán đất trái phép, đòi chủ dự án đền bù, gây nên tình trạng tranh chấp, khiếu kiện kéo dài, phức tạp.

- Việc thu hút lao động là người dân tộc thiểu số vào các dự án còn rất hạn chế, chưa đạt mục tiêu đề ra; nhiều doanh nghiệp không thực hiện đúng cam kết tuyển dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại chỗ ở địa phương.

- Một số doanh nghiệp lực lượng quản lý bảo vệ rừng còn yếu, chưa phối hợp đồng bộ với địa phương nên để tình trạng phá rừng xảy ra nghiêm trọng.

#### *d) Quản lý các cơ sở chế biến gỗ*

Trước khi rà soát, sắp xếp theo Chỉ thị, cả nước có 12.162 cơ sở chế biến gỗ, các địa phương đã tích cực chủ động tổ chức rà soát, sắp xếp lại các cơ sở chế biến gỗ, đến nay còn 11.472 cơ sở hoạt động. Thu hồi, đình chỉ hoạt động 690 cơ sở chế biến gỗ vi phạm, đã có tác dụng tích cực đối với công tác quản lý bảo vệ rừng (chi tiết tại Biểu 03).

#### *e) Tình hình dân di cư tự do và canh tác nương rẫy*

- Về tình hình dân di cư tự do:

Trong những năm qua, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương về định canh, định cư và di dân tự do, các địa phương đã triển khai thực hiện các đề án, quy hoạch dân cư, ổn định sản xuất, thực hiện định canh, định cư và ngăn chặn tình trạng di dân tự do; tuyên truyền vận động nhân dân không du canh, du cư phá rừng làm nương rẫy, tích cực phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống, xoá đói giảm nghèo theo các chương trình 134, 135, 120 và các Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg, 33/2007/QĐ-TTg, 1178/2009/QĐ-TTg, 1179/2009/QĐ-TTg 570/2012/QĐ-TTg 1776/2012/QĐ-TTg... và các chương trình hỗ trợ khác cho vùng đặc biệt khó khăn của địa phương.



Tình hình dân di cư tự do từ các tỉnh phía Bắc vào các tỉnh Tây Nguyên đã giảm, nhưng diễn biến còn phức tạp, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa và luôn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp làm ảnh hưởng xấu đến sinh thái môi trường, gây khó khăn trong việc quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quản lý dân cư, đảm bảo an ninh, trật tự và phòng chống tệ nạn xã hội, đặc biệt là khu vực Tây Nguyên, Đông Nam bộ và biên giới Tây Bắc. Hiện còn hơn 3 vạn hộ ở phân tán, không theo quy hoạch, ở trong rừng chưa được bố trí, sắp xếp ổn định vào vùng quy hoạch; chưa được giao đất, nhập khẩu, đời sống không ổn định.

#### ***h) Công tác giao đất, giao rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp***

- Tổng diện tích rừng đã giao: 11,67 triệu ha, đạt 84,19% diện tích rừng toàn quốc (13,86 triệu ha) và bằng 71,86 % so với tổng diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp (16,24 triệu ha).

Theo báo cáo số 138/BC-BTNMT ngày 23/8/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cả nước đã cấp được 1.709.900 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp với diện tích 10.357.400 ha, đạt 86,1%, tăng 3,7% so với năm 2012.

Nhìn chung, công tác giao đất, giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn quản lý, sử dụng lâu dài vào mục đích lâm nghiệp về cơ bản đã tạo ra bước chuyển biến căn bản trong công tác quản lý bảo vệ rừng; người dân bảo vệ được rừng, yên tâm quản lý, đầu tư phát triển rừng trên diện tích rừng được giao; góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập, huy động nguồn lực của các thành phần kinh tế để bảo vệ và phát triển rừng.

Tuy nhiên, đến nay vẫn còn 2,19 triệu ha rừng đang tạm thời giao cho Ủy ban nhân dân xã quản lý chiếm 15,81% diện tích rừng của cả nước (Diện tích rừng do Ủy ban nhân dân xã quản lý từ 2,8 triệu ha năm 2005 xuống còn 2,1 triệu ha năm 2013). Chính sách về giao đất, giao rừng, sử dụng rừng, hưởng lợi từ rừng còn thiếu thống nhất; thiếu các chính sách hỗ trợ sau giao, đặc biệt là đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp còn chậm và chưa gắn với việc giao rừng.

## **II- ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Mặt đạt được cơ bản**

- Việc thực hiện chỉ thị 1685/CT-TTg ngày 27/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ đã được các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm túc, quyết liệt và có hiệu quả, đã và đang tạo sự chuyển biến tích cực trong công tác quản lý bảo vệ rừng.



- Tình hình vi phạm các quy định về quản lý bảo vệ rừng đã được kiểm chế và giảm mạnh về số vụ, quy mô, tính chất, mức độ và hậu quả xảy ra ít nghiêm trọng hơn, không còn tồn tại nhiều điểm nóng như thời gian trước đây.

- Sự phối hợp giữa lực lượng kiểm lâm, công an, quân đội trong công tác bảo vệ rừng được chặt chẽ và đồng bộ, hiệu quả công tác phối hợp được nâng cao.

- Ý thức, trách nhiệm của các ngành, các cấp, người dân trong công tác bảo vệ rừng đã được nâng cao; đặc biệt là cấp cơ sở và thu hút sự tham gia tích cực của người dân đối với việc bảo vệ rừng.

## **2. Tồn tại, nguyên nhân**

- Một số nơi, tình hình phá rừng, khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật vẫn diễn ra mà chưa có biện pháp ngăn chặn triệt để; bọn đầu nậu, kẻ tổ chức phá rừng chuyên nghiệp, nhiều đường dây buôn bán lâm sản trái pháp luật vẫn chưa bị triệt phá; các đối tượng vi phạm ngày càng liều lĩnh, tổ chức đông người chống trả quyết liệt lực lượng chức năng;

- Việc gia tăng dân số tự nhiên và tình trạng di cư tự do, dẫn đến nhu cầu sử dụng đất ở và đất sản xuất ngày càng tăng, nên tác động vào rừng để lấy đất sản xuất gây khó khăn và sức ép lớn đối với công tác quản lý, bảo vệ rừng tại địa bàn có dân di cư tự do đến; giá trị các sản phẩm cây công nghiệp (tiêu, điều, cà phê...) tăng nhanh và ổn định trong thời gian qua cũng góp phần tác động phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật.

- Hầu hết các chủ rừng không đủ năng lực bảo vệ rừng được giao, thiếu kinh phí cho hoạt động bảo vệ rừng. Chính quyền địa phương chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm được giao trong quản lý bảo vệ rừng. Ở những trọng điểm phá rừng nghiêm trọng, chính quyền địa phương thiếu kiên quyết chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng thường xuyên, đồng bộ. Ủy ban nhân dân xã được Nhà nước giao quản lý rừng nhưng không đủ điều kiện (con người và tài chính) để tổ chức bảo vệ rừng, để rừng bị phá, lấn chiếm trái pháp luật. Thậm chí, một số cán bộ lãnh đạo cấp huyện và xã có biểu hiện vi phạm hoặc tiếp tay cho việc phá rừng, tiêu thụ lâm sản bất hợp pháp.

- Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ rừng đã được tăng cường nhưng nội dung và hình thức tuyên truyền còn hạn chế; mặt khác nhận thức của một số bộ phận người dân, nhất là dân nghèo, người đồng bào sống ở vùng sâu, vùng xa hạn chế, hoặc tuy có nhận thức nhưng do đời sống khó khăn nên vẫn tiếp tục phá rừng hoặc tiếp tay, làm thuê cho bọn đầu nậu.



- Lực lượng kiểm lâm còn mỏng, trang thiết bị, phương tiện còn thiếu khi gặp đông đối tượng vi phạm thì không đủ khả năng khống chế. Một bộ phận cán bộ Kiểm lâm có những biểu hiện tiêu cực gây bức xúc trong xã hội.

- Sự phối kết hợp giữa các ngành chức năng trong điều tra, đấu tranh, xử lý vi phạm pháp luật chưa nghiêm, chưa kịp thời dẫn đến tình trạng coi thường pháp luật, giảm tính răn đe, giáo dục của pháp luật; Các đối tượng đầu nậu, kẻ chủ mưu chưa được xử lý thích đáng.

- Việc rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng diện tích rừng và đất lâm nghiệp thực hiện chậm, chưa xác định được rõ hướng đi, như quyền sở hữu đất đai, sử dụng và định đoạt và tự chịu trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh rừng; quyền hưởng lợi của hộ nhận khoán chưa rõ ràng....

- Việc giải tỏa, thu hồi diện tích rừng, đất rừng bị phá, bị lấn chiếm trái pháp luật để phục hồi lại rừng gặp nhiều khó khăn, phức tạp; do chủ rừng, Ủy ban nhân dân các cấp và các ngành chức năng chưa thực hiện quyết liệt, nhiều nơi gặp phải sự chống đối, ngăn cản của số đông các đối tượng khi bị giải tỏa, thu hồi đất lấn chiếm.

### **III- GIẢI PHÁP TIẾP TỤC THỰC HIỆN CHỈ THỊ VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **1. Giải pháp:**

a) Tiếp tục tổ chức thực hiện quyết liệt, nghiêm túc, đồng bộ Chỉ thị số 12/2003/CT-TTg, số 08/2006/CT-TTg và số 1685/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, lập lại trật tự, kỷ cương trong quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản; tăng cường kiểm tra truy quét, đánh trúng “đầu nậu”, tổ chức thống kê, phân loại các đối tượng vi phạm để có biện pháp giáo dục, theo dõi, giám sát, lập phương án truy quét; xử lý nghiêm, đúng pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật và những cơ quan, chủ rừng, người có thẩm quyền nhưng thiếu trách nhiệm, có tiêu cực, để xảy ra tình trạng phá rừng, lấn chiếm, tái lấn chiếm đất lâm nghiệp, khai thác trái pháp luật, chống người thi hành công vụ;

b) Tăng cường quản lý nhà nước về rừng của chính quyền các cấp theo quy định tại Quyết định 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng; kiểm tra, rà soát, lập biên bản thống kê diện tích rừng bị phá, lấn chiếm trái phép; cương quyết tổ chức cưỡng chế, giải tỏa, thu hồi để có kế hoạch phục hồi và trồng lại rừng. Tập trung giải quyết dứt điểm tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất lâm nghiệp giữa người dân tại chỗ với các chủ rừng, chủ đầu tư xây dựng dự án, không để tạo ra “điểm nóng” và khiếu kiện đông người. Cương quyết xử lý, giải quyết dứt điểm các trường hợp tranh chấp và vi phạm pháp luật về đất đai, pháp



luật về bảo vệ và phát triển rừng đối với từng trường hợp cụ thể theo quy định của pháp luật;

c) Tiếp tục rà soát, thống kê phân loại đối với các dự án từ khi khảo sát, phê duyệt và tổ chức thực hiện chuyển đổi rừng. Đối với các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lâm nghiệp sang mục đích khác cần xây dựng kế hoạch kiểm tra thường xuyên, theo dõi tiến độ, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện việc trồng rừng thay thế theo đúng kế hoạch được phê duyệt;

d) Tiếp tục rà soát cơ sở chế biến gỗ; quản lý chặt chẽ các cơ sở chế biến gỗ, xử lý nghiêm và kiên quyết đình chỉ hoạt động đối với các xưởng chế biến gỗ sử dụng gỗ bất hợp pháp hoặc cố tình không chấp hành quy định về quản lý, báo cáo thống kê theo quy định hiện hành. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát lâm sản theo đúng quy định của Nhà nước.

đ) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ thống nhất trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao năng lực lực lượng kiểm lâm giai đoạn 2012- 2020; (bổ sung khoảng 3000 biên chế Kiểm lâm); có chính sách ưu đãi cho lực lượng kiểm lâm, lực lượng bảo vệ rừng theo Quyết định số 07/QĐ- TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

e) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng kết, đánh giá việc giao, thuê đất lâm nghiệp, khoán bảo vệ rừng, trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 01/NĐ- CP ngày 04/01/1995 và Nghị định số 135/ 2005/NĐ- CP ngày 08/11/2005.

f) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, xem xét cơ chế phối hợp, phân công nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể rõ ràng giữa 2 ngành ở địa phương về quản lý đất lâm nghiệp gắn với quản lý rừng, bao gồm từ công tác quy hoạch, thống kê, kiểm kê, tiêu chí phân loại đất lâm nghiệp có rừng, đất trồng đồi núi trọc, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, sử dụng đất lâm nghiệp....

g) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sớm trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định ngành nghề chế biến gỗ là ngành nghề kinh doanh có điều kiện; đồng thời, ban hành văn bản quy định cụ thể về nội dung, tiêu chí đánh giá, phân loại doanh nghiệp (theo mức độ chấp hành pháp luật) và có hướng dẫn cụ thể để làm căn cứ triển khai thực hiện.

## **2. Kiến nghị:**

a) Đề nghị Thủ tướng Chính phủ tiếp tục quan tâm, tập trung hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng khó khăn thuộc địa phương có dân di theo các chương trình, dự án hiện hành để cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, hạn chế di cư tự do; đồng thời hỗ trợ cho những địa



phương có dân đến nhiều hoàn thành các dự án ổn định dân cư, bố trí dân vào vùng quy hoạch, ổn định đời sống, không tái di cư tự do.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính hướng dẫn các địa phương cân đối các nguồn vốn cho công tác quản lý bảo vệ rừng theo quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Bộ Công an chỉ đạo lực lượng công an địa phương quản lý chặt chẽ nhân khẩu, hộ khẩu; tập trung xử lý dứt điểm các vụ án tòn đống; thống kê, phân hóa đối tượng "đầu nậu", chủ đường dây buôn bán lâm sản trái pháp luật, kẻ chủ mưu, thuê, kích động xúi giục người dân phá rừng, chống người thi hành công vụ, để xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

d) Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo cơ quan quản lý địa chính địa phương tăng cường kiểm tra ngăn chặn, phát hiện và xử lý kịp thời các vụ vi phạm về đất đai, chấm dứt tình trạng "hợp thức hóa" đất phá rừng, sang nhượng trái pháp luật.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng Cao Đức Phát (để b/c);
- UBND các tỉnh;
- Lưu: VT, TCLN.



**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG**

**Hà Công Tuấn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**Số: 437 /SY-UBND**

**Nơi nhận:**

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Công an tỉnh;
- BCH Quân sự tỉnh;
- PVPNN, K10;
- Lưu: VT (06b).



**TL. CHỦ TỊCH  
CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ VĂN PHÒNG**

**Nguyễn Đức Thi**

**SAO Y BẢN CHÍNH**

*Bình Định, ngày 21 tháng 3 năm 2014*





**Biểu 1: tổng hợp toàn quốc kết quả rà soát dự án chuyển đổi rừng sang các cây trồng khác và các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lâm nghiệp từ 2006 đến nay thực hiện theo Chỉ thị 1685/CT-TTg**

(Kèm theo báo cáo số 751/BC-BNN-TCLN ngày 04 tháng 3 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tỉnh	Tổng Dự án	Tổng diện tích (ha)	Tổng diện tích chuyển đổi sau khi thu hồi	Đất Có rừng (ha)			Đất lâm nghiệp chưa có rừng (ha)	Mục đích chuyển đổi rừng và đất Lâm nghiệp (ha)				Dự án bị đình chỉ, thu hồi	Diện tích cao su sau khi bị thu hồi
					Tổng có rừng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng		Cao Su	Trồng các cây NLN khác	Thủy điện	Các mục đích khác phi nông nghiệp		
1	Bà Rịa Vũng Tàu	54	5,465	5,465	5,465	1,071	4,395	-		6	5,459	-	-	
2	Bắc Giang	10	2,267	2,267	2,212	2,022	190	55	1,772	159	336	-	-	
3	Bắc Kạn	221	1,435	1,435	-				1	30	1,404	-	-	
5	Bạc Liêu	1	8	8	3		3	5			8	-	-	
6	Bến Tre	5	40	40	4	-	4	36			40	-	-	
7	Bình Định	67	1,372	1,243	853	150	703	519		94	1,278	129	- 129	
8	Bình Dương	1	3	3	-						3	-	-	
9	Bình Phước	230	41,481	35,696	26,704	26,617	87	14,777	36,433	-	635	5,784	30,649	
10	Bình Thuận	18	12,614	12,614	-				11,664		950	-	11,664	
11	Cà Mau	25	536	536	458		458	78			536	-	-	
12	Đà Nẵng	11	1,225	1,225	1,204	1,000	204	22			1,225	-	-	
13	Đắk Lắk	73	27,247	25,724	22,368	22,368		4,879	21,288	1,591	1,882	1,523	19,765	
14	Đắk Nông	99	24,930	504	14,718	14,718		10,212	10,433	287	7,452	24,427	- 13,994	
15	Điện Biên	61	11,058	9,375	3,891	3,819	72	7,165	8,563		332	1,683	6,880	
16	Đồng Tháp	5	494	494	494		494			438	56	-	-	



17	Gia Lai		46,755	43,152	35,528	32,460	3,068	11,228	38,828	6,416	1,031	481	3,603	35,225
18	Hà Giang	19	5,675	5,675	-				4,750		549	376	-	4,750
19	Hà Nam	1	3,881	3,881	3,420		3,420	461				3,881	-	-
20	Hà Tĩnh	99	14,603	14,542	11,825	3,774	8,051	2,778	12,522			2,081	61	12,461
21	Hải Dương	-			-								-	-
22	Hải Phòng	7	1,007	1,007	52		52	955				1,007	-	-
23	Hậu Giang	2			23		23			5		18	-	-
24	Hoà Bình	137	32,771	25,367	-				-	28,660	116	3,995	7,404	7,404
24	Hưng yên	-	-	-	-								-	-
25	Khánh Hòa	3	597	597	374	281	93	223			597		-	-
26	Kiên Giang		26,092	20,826	11,600	1,909	9,692	14,492		17,604		8,488	5,266	5,266
27	Kon Tum	119	41,975	41,975	32,087	31,965	122	9,888	39,133	-	1,114	1,728	-	39,133
28	Lai Châu		14,750	14,750	-				11,348		3,382	20	-	11,348
29	Lâm Đồng	294	47,554	38,460	-				15,434	28,280	1,886	1,954	9,094	6,340
30	Lạng Sơn	17	923	923	574	118	456	349				923	-	-
31	Lào Cai		2,587	2,587	2,463	1,640	823	125	1,439	84	395	669	-	1,439
32	Long An	-	-	-	-								-	-
33	Nam Định	1	13	13	-							13	-	-
34	Nghệ An	114	2,651	2,651	2,036	1,092	944	615		898		1,753	-	-
35	Ninh Bình		785	785	766	313	453	19				785	-	-
36	Phú Thọ	90	366	366	178	11	167	188	188			178	-	188
37	Phú Yên	39	2,214	2,209	1,294	424	870	920	990	48	674	502	5	985
38	Quảng Bình	27	6,461	6,461	6,071	4,093	1,978	390	4,800			1,661	-	4,800
39	Quảng Ngãi		132	132	-							132	-	-
40	Quảng Ninh	92	807	807	616	41	575	190				807	-	-
41	Quảng Trị		16,497	16,497	10,646	56	10,590	5,851	15,900	299	55	243	-	15,900
42	Sóc Trăng	-	-	-	-								-	-
43	Sơn La	76	2,386	2,386	1,298	1,008	290	1,088	1,666		170	550	-	1,666



44	Tây Ninh		254	254	-						254	-	-	
45	Thái Bình	1	714	714	714	2	712	-			714	-	-	
46	Thái Nguyên		9,100	9,100	-				8,105		468	527	-	8,105
47	Thanh Hoá	15	24	24	19	4	15	5				24	-	-
48	Thành phố HCM	6	2,452	2,452	2,452		2,452			2,035		417	-	-
49	Tiền Giang	5	1,097	1,097	-							1,097	-	-
51	Trà Vinh	3	1,308	1,308	-							1,308	-	-
52	TT.Huế		428	428	428	226	202	-			110	318	-	-
53	Tuyên Quang	61	-	-	-							-	-	-
54	Vĩnh Long	-	-	-	-							-	-	-
55	Vĩnh Phúc	56	1,356	1,356	998	39	959	358				1,356	-	-
56	Yên Bái	202	4,096	4,096	3,875	1,355	2,520	221	1,587		177	2,332	-	1,587
	<b>Tổng</b>	<b>2,367</b>	<b>422,508</b>	<b>363,528</b>	<b>207,709</b>	<b>152,574</b>	<b>55,135</b>	<b>88,091</b>	<b>245,071</b>	<b>88,418</b>	<b>21,313</b>	<b>67,704</b>	<b>58,980</b>	<b>186,091</b>

*Handwritten signature*



**Biểu 02 tổng hợp tình hình vi phạm luật bảo vệ và phát triển rừng thực hiện theo  
Chỉ thị 1685/CT-TTg**

*(Kèm theo báo cáo số **751** /BC-BNN-TCLN ngày **04** tháng 3 năm 2014 của Bộ  
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**1. Số vụ Vi Phạm:**

	Tổng số vụ	Phá rừng	Tr.đó làm nương rẫy	Khai thác LS	VP QLBV đ.vật HD	Mua bán, vận chuyển LS	Tổng số vụ phá rừng + khai thác lâm sản trái phép
Cả năm 2011	29.551	3473	1980	2675	1019	14772	6148
Cả năm 2012	28.565	3380	1793	2477	942	14019	5857
Cả năm 2013	25.776	2071		2019		12374	4020

**2. Lâm sản tịch thu:**

Đơn vị	Gỗ tròn		Gỗ xẻ		Động vật rừng hoang dã			Tổng gỗ tròn và gỗ xẻ
	Thường	Quý hiếm	Thường	Quý hiếm	Con	Con(q. hiếm)	Kg	
Cả năm 2011	16806.13	1442.57	18986.55	3067.93	18088	895	35275	35792.68
Cả năm 2012	17870.45	1192.29	17315.32	2313.97	19132	1081	32445	35185.77
11 tháng 2013	13312		17007					30319

**3. Diện tích rừng bị phá:**

Đơn vị	Phá rừng						
	Tổng cộng	Rừng đặc dụng		Rừng phòng hộ		Rừng sản xuất	
		R.tự nhiên	Rừng trồng	R.tự nhiên	Rừng trồng	R.tự nhiên	Rừng trồng
Cả năm 2011	2186.67	105.01	15.83	158.72	53.15	1017.04	836.92
Cả năm 2012	1164.33	24	10.78	146.82	91.44	709.24	182.05
11 tháng 2013	694						



Biểu 03 Tổng hợp toàn quốc kết quả rà soát xưởng chế biến gỗ thực hiện theo

Chỉ thị 1685/CT-TTg

(Kèm theo báo cáo số 751 /BC-BNN-TCLN ngày 04 tháng 3 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tỉnh	Rà soát xưởng chế biến gỗ		
		Tổng số xưởng	Số xưởng bị đình chỉ và thu hồi giấy phép	Tiếp tục hoạt động sau rà soát
1	Thanh Hoá	605	-	605
2	Hoà Bình	307	-	307
3	Bình Định	367	-	367
4	Quảng Bình	244	-	244
5	Bình Dương	550	30	520
6	Phú Yên	153	2	151
7	Lai Châu	109	-	109
8	Bà Rịa Vũng Tàu	243	0	243
9	Hà Tĩnh	577	275	302
10	Bình Phước	242	7	235
11	Điện Biên	113	-	113
12	Vĩnh Phúc	679	-	679
13	Bắc Giang	448	5	443
14	Lạng Sơn	126	-	126
15	Đắk Lắk	132	39	93
16	Bình Thuận	87	-	87
17	Cà Mau	29	-	29
18	Nghệ An	776	143	633
19	Long An	79	-	79
20	Đắk Nông	54	4	50
21	Hà Giang	164	-	164
22	Thái Nguyên	841	-	841
23	Quảng Trị	658	-	658
24	Quảng Ngãi	450	-	450
25	Hà Nam	44	-	44
26	Đồng Tháp	452	-	452
27	Bạc Liêu	26	-	26
28	Gia Lai	495	173	322
29	Thành phố HCM	234	-	234
30	Ninh Bình	155	-	155
31	Sơn La	125	-	125
32	Bến Tre	32	-	32
33	Quảng Ninh	350	-	350



34	Phú Thọ	673	-	673
35	Hậu Giang	130	-	130
36	Hải Dương	122	-	122
37	Nam Định	141	-	141
38	Hải Phòng	51	-	51
39	Tiền Giang	104	-	104
40	Yên Bái	421	-	421
41	Tuyên Quang	301	12	289
42	Khánh Hòa	96	-	96
43	Hưng yên	177	0	177
	<b>Tổng cộng</b>	<b>12162</b>	<b>690</b>	<b>11472</b>



*[Handwritten signature]*